

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09-5-2024

“V/v Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân.

2. Ông Lê Ngọc Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh Tr, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Phát L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Bà Tr, ông L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Tr trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian, bà Tr và ông L mới đi đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới từ năm 1991 nhưng đến ngày 28-8-2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nên bà Tr cũng đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng để tiếp tục chung

sống, lo cho con chung nhưng qua thời gian cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hơn nữa, ông L còn thường xuyên uống rượu rồi về kiếm có gây gỗ với bà Tr. Nay, bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà Tr xin được ly hôn với ông L.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà có 03 người con chung gồm: Nguyễn Phát L1, sinh năm 1992, Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 26-6-2010. Hiện 02 người con chung Nguyễn Phát L1, Nguyễn Thị Lệ H đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự nên bà Tr không có ý kiến. Bà Tr đồng ý để con chung Nguyễn Thị Thảo M cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng vì từ khi vợ chồng bà ly thân cho đến nay thì cháu My sống với ông L, bà không cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Phát L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do vì vậy không lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Hiện 02 người con chung Nguyễn Phát L1, sinh năm 1992, Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1999 đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự nên bà Tr không có ý kiến. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tr đồng ý giao con chung Nguyễn Thị Thảo M cho ông L được quyền nuôi dưỡng, bà Tr không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Tr không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Bà Tr phải nộp án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Tr và ông L sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay bà Tr yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của ông L là xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Tr vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Tr và ông L trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại UBND xã C. huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Theo bà Tr, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ, thường xuyên cãi vã nên dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Từ cuối năm 2021, vợ chồng bà Tr cũng đã ly thân cho đến nay.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà Tr, Tòa án đã triệu tập ông L để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân nhưng ông L vẫn không đến. Ngoài ra, theo kết quả xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn giữa bà Tr và ông L là có thật, hiện ông L đang sống cùng con chung Nguyễn Thị Thảo M tại địa chỉ tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu còn bà Tr không sống cùng ông L.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Tr và ông L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Tr được ly hôn với ông L.

[2.2]. Về nuôi con chung: Bà Tr và ông L có 03 người con chung Nguyễn Phát L1, sinh năm 1992, Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 26-6-2010. Hiện 02 người con chung Nguyễn Phát L1, Nguyễn Thị Lệ H đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Bà Tr đồng ý giao con chung Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 26-6-2010 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà Tr không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện cháu Nguyễn Thị Thảo M đã trên 07 tuổi và cũng có nguyện vọng được sống với ông L nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện này của bà Tr.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Tr không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Bà Tr phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) đồng án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Minh Tr và ông Nguyễn Phát L

2. Về nuôi con chung: Bà Tr và ông L có 03 người con chung Nguyễn Phát L1, sinh năm 1992, Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 26-6-2010.

Hiện 02 người con chung Nguyễn Phát L1, Nguyễn Thị Lệ H đã đủ 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Giao con chung Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 26-6-2010 cho ông Nguyễn Phát L trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Minh Tr không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Minh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh Tr phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) đồng án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005212 ngày 15 tháng 5 năm 2023; bà Nguyễn Thị Minh Tr đã nộp xong án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga